

Số: 1497 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hợp phần tích hợp Hiện trạng và phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Chương trình số 29-CTr/TU ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Thành uỷ Đà Nẵng triển khai thực hiện nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt chi tiết nội dung và dự toán kinh phí lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 24 tháng 03 năm 2023 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc thông qua Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 121/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025; trên cơ sở ý kiến biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND thành phố theo Thông báo số 234/TB-VP ngày 29/4/2025 của Văn phòng UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hợp phần tích hợp Hiện trạng và phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu theo nội dung phê duyệt kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu cho UBND thành phố thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn thành phố theo phương án được duyệt;
- Tổng hợp và cập nhật tình hình thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo quy định đối với các hành vi vi phạm trong thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các nội dung về chú trọng quyền lợi của người dân sống trong vùng có hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Sở Xây dựng

- Công bố phương án trên cổng thông tin điện tử thành phố, cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng, gửi đến các các Sở, ngành, chính quyền địa phương liên quan. Theo dõi việc quản lý và tổ chức thực hiện phương án thăm dò, khai thác, chế biến sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã được phê duyệt trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;
- Hướng dẫn các hoạt động thăm định, đánh giá về: Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Tổ chức thăm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo phân cấp của Chính phủ và phân công của UBND thành phố;

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật trong các hoạt động: Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; sản xuất vật liệu xây dựng;

- Kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

3. Sở Công Thương

- Là cơ quan chuyên môn chủ trì, tham mưu UBND thành phố thực hiện đầu mối quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Thực hiện cấp, cấp lại hoặc thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo phân cấp của Bộ Công Thương;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các quận, huyện, UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Phương án giám sát ảnh hưởng nổ mìn của các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nổ mìn; từ đó hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp điều chỉnh phương án nổ mìn an toàn và hiệu quả;

- Tham gia ý kiến góp ý thẩm định về công nghệ, phương án nổ mìn tại các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước khi Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND thành phố cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Sở Tài chính

Tiếp nhận hồ sơ, nghiên cứu tích hợp vào Quy hoạch thành phố Đà Nẵng trong quá trình tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt.

5. Công an thành phố, Bộ chỉ huy quân sự thành phố

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện phương án được phê duyệt.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động trong các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đảm bảo an ninh, trật tự, xã hội tại khu vực mỏ trên địa bàn quản lý;

- Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại địa phương theo quy định của pháp luật;



- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Chấp hành nghiêm túc việc quản lý hoạt động khoáng sản theo quy hoạch đã được phê duyệt; quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác, đảm bảo ổn định tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn quản lý; hướng dẫn các đơn vị có nhu cầu cấp phép hoạt động khoáng sản theo đúng quy hoạch và quy định pháp luật về khoáng sản;

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành chức năng trong công tác kiểm tra, hậu kiểm; tăng cường công tác giám sát các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường về việc chấp hành quy trình công nghệ khai thác, chế biến, về bảo vệ môi trường đã được thẩm định và nghĩa vụ đối với nhà nước, địa phương.

7. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và các Luật, các quy định của pháp luật khác có liên quan;

- Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong phạm vi, ranh giới khu vực mỏ được cấp phép; khai thác, chế biến hợp lý, tiết kiệm theo đúng thiết kế mỏ, thực hiện an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ và phục hồi môi trường - môi sinh - đất đai; bảo đảm quyền lợi của nhân dân địa phương nơi hoạt động khai thác mỏ, ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương nơi có hoạt động khoáng sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND TPĐN (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT, SNNMT.

15/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Nam



NỘI DUNG HỢP PHẦN TÍCH HỢP HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

1. Hiện trạng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Theo kết quả điều tra cơ bản về địa chất, khoáng sản, đặc biệt là các công trình đo vẽ lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:200.000 loạt bờ Huế - Quảng Ngãi; đo vẽ lập bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản tỷ lệ 1: 500.000 nhóm tờ Hội An - Đà Nẵng; công trình điều tra địa chất, quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua cho thấy tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chủ yếu là vật liệu xây dựng thông thường, các loại khoáng sản khác như: kim loại, khoáng chất công nghiệp khá nghèo.

Tổng hợp kết quả công tác điều tra tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố; cụ thể như sau:

- Nhóm khoáng sản kim loại: Đồng, thiếc, wolfram, vàng.
- Nhóm khoáng sản nguyên liệu hoá chất và phân bón: Than bùn.
- Nhóm khoáng sản nguyên liệu gốm sứ, thủy tinh: Cát thủy tinh.
- Nhóm khoáng sản đá ốp lát và đá mỹ nghệ: Đá mỹ nghệ.
- Nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT): Đá xây dựng, đất san lấp, laterit, cát cuội sỏi, sét gạch ngói.
- Nhóm khoáng sản nước khoáng: Nước khoáng nóng.

2. Mục tiêu Phương án

a) Mục tiêu chung

- Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở, căn cứ pháp lý cho các cơ quan chức năng của Nhà nước quản lý, sử dụng khoáng sản tiết kiệm có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc xin cấp giấy phép thăm dò, khai thác giai đoạn đến năm 2030; định hướng cho việc thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2050.

- Các mỏ đang hoạt động và sắp hoạt động khai thác khoáng sản phải áp dụng các phương pháp khai thác, chế biến tiên tiến nhằm nâng cao công suất, tận dụng tối đa nguồn tài nguyên khoáng sản, hạn chế ô nhiễm môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong giai đoạn từ năm 2021-2025 và từ năm 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Xác định các khu vực mỏ và loại khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác, sử dụng; khu vực cấm hoạt động khoáng sản.

- Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tiềm năng tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng nguồn thu ngân sách cho Thành phố và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đề ra các biện pháp tích cực để tăng cường công tác quản lý về tài nguyên khoáng sản và tổ chức lại các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy hoạch.

3. Nội dung phương án quy hoạch

Xác định được 14 khu vực quy hoạch đá xây dựng với tổng diện tích 452,3 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo là 87.324.500 m³ và 16 khu vực quy hoạch khu đất làm vật liệu san lấp với tổng diện tích 872,04 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo là 87.240.000 m³.

a) Phương án quy hoạch đá xây dựng

Khoanh định chi tiết 14 khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đá xây dựng, tổng diện tích 452,3 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo là 87.324.500 m³. Cụ thể như sau:

- **Khu vực QH.1 (ĐXD):** Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 45,8 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 4.580 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.2 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Khe Rưng diện tích 9,0 ha đã được cấp phép khai thác, nhưng chưa khai thác, hiện giấy phép đã hết hạn.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 15 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 1.500 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 30,8 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 3.080 nghìn m³.

- **Khu vực QH.2 (ĐXD):** Khu Trung Nghĩa - Núi Hồng Vàng, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 32,4 ha; tổng trữ lượng tài nguyên 3.240 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.3 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Dốc Rùa diện tích 3,1 ha đã được cấp phép khai thác, nhưng chưa khai thác, hiện giấy phép đã hết hạn.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 15 ha, trữ lượng tài nguyên

dự báo là 1.500 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 17,4 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 1.740 nghìn m³.

- **Khu vực QH.3 (ĐXD):** Khu Trung Nghĩa - Núi Hồng Vàng, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 25,1 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 2.510 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.4 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá An Nghĩa diện tích 17,8 ha đã được cấp phép khai thác, nhưng chưa khai thác, hiện giấy phép đã hết hạn.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 10 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 1.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 15,1 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 1.510 nghìn m³.

- **Khu vực QH.4 (ĐXD):** Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 70,3 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 10.545 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.8 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch các mỏ đang hoạt động khai thác: Mỏ Sơn Phước diện tích 9,7 ha, Mỏ Hồ Chuồn 3,65 ha, Mỏ Hồ Lưỡi Mèo 1 diện tích 2,0 ha. Các mỏ đang hoạt động được khai thác hết trữ lượng đã phê duyệt, sau đó đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 40 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 6.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 30,3 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 4.545 nghìn m³.

- **Khu vực QH.5 (ĐXD):** Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang; diện tích 48,8 ha tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 14.640 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.12 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đang hoạt động khai thác: Mỏ Hóc Già Hạnh diện tích 3,5 ha, Mỏ Trường Bản 9,47 ha; các mỏ dừng hoạt động khai thác: Mỏ Động Cao diện tích 1,4 ha, Mỏ Hồ Phấn diện tích 2,0 ha. Các mỏ đang hoạt động được khai thác hết trữ lượng đã phê duyệt, sau đó đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 30 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 9.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 18,8 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 5.640 nghìn m³.

- **Khu vực QH.6 (ĐXD):** Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang; diện tích 4,0 ha; tổng trữ lượng quy hoạch 1.050 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.16 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Toàn bộ diện tích quy hoạch là mỏ Hồ Mùn

diện tích 4,0ha. Mở khai thác đến hết trữ lượng đã phê duyệt, sau đó đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường.

- **Khu vực QH.7 (ĐXD):** Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu; diện tích 20,7 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 4.816 nghìn m³ được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021 - 2030. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.16 (ĐXD) quy hoạch khai thác đến 2020 và sau năm 2020 là quy hoạch dự trữ khoáng sản đã được phê duyệt tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đã dừng khai thác: Phía nam mỏ Đà Sơn II diện tích 11,12 ha, Mỏ Cẩm Khê diện tích 2,3 ha, mỏ Cẩm Phát diện tích 3,175 ha.

- **Khu vực QH.8 (ĐXD):** Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang; diện tích 93,5 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 23.375 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.14 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch các mỏ đang hoạt động khai thác: Mỏ Suối Mơ II diện tích 3,075 ha, Mỏ Phước Thuận diện tích 10 ha, mỏ Hồ Bạc 3 diện tích 7,5 ha; các mỏ đã phê duyệt trữ lượng đang lập thủ tục cấp phép khai thác: Mỏ Hốc Khế 1 diện tích 3,5ha, Mỏ Hốc Khế diện tích 3,5ha; các mỏ tạm dừng khai thác: Hồ Bạc diện tích 6,96 ha, Hồ Bạc II diện tích 4,5 ha, Hồ Trầu diện tích 9,7 ha, Hốc Khế II diện tích 6,96 ha.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 70 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 15.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 23,5 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 8.375 nghìn m³.

- **Khu vực QH.9 (ĐXD):** Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang; diện tích 20,7 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 3.105 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.13 (ĐXD) Quy hoạch khai thác đến 2020 và sau năm 2020 là quy hoạch dự trữ khoáng sản đã được phê duyệt tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Hiện nay được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021 - 2030. Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đã dừng khai thác: Mỏ Hồ Sâu diện tích 3,3 ha, Mỏ Phước Hậu diện tích 4,0 ha.

- **Khu vực QH.10 (ĐXD):** Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang; diện tích 26,6 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 3.990 nghìn m³. Quy hoạch mới thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021 - 2030. Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Phước Hưng diện tích là 4,5 ha đã dừng khai thác.

- **Khu vực QH.11 (ĐXD):** Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang; diện tích 6,3 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 472,5 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.18 (ĐXD) Quy hoạch khai thác đến 2020 và sau năm 2020 là quy hoạch dự trữ khoáng sản đã được phê duyệt tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Hiện nay được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021 - 2030. Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Thạch Nham Đông diện tích là 4,5 ha đã dừng khai thác.

- **Khu vực QH.12 (ĐXD):** Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang; diện tích 28,7 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 5.740 nghìn m³. Quy hoạch bổ sung mới.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 15 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 3.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 13,7 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 2.740 nghìn m³.

- **Khu vực QH.13 (ĐXD):** Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang; diện tích 14,6 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 4.599 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.20 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Phước Nhân diện tích là 5,0 ha đang khai thác, Mỏ Phước Sơn diện tích 5,0 ha đang trình hồ sơ cấp phép khai thác. Các mỏ khai thác đến hết trữ lượng đã phê duyệt, sau đó đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 10 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 3.150 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 4,6 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 1.449 nghìn m³.

- **Khu vực QH.14 (ĐXD):** Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang; diện tích 14,8 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 4.662 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.19 (ĐXD) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 7,0 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 2.205 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 7,8 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 2.457 nghìn m³.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I và Bản đồ kèm theo).

b) Phương án quy hoạch đất đồi làm vật liệu san lấp:

Khoanh định 16 khu vực quy hoạch với tổng diện tích 872,04 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo là 87.240 nghìn m³. Ngoài ra, khi khai thác đá xây dựng cũng có một phần đất san lấp tại các mỏ đã được phê duyệt để cấp phép khai thác (khoáng sản đi kèm). Tất cả các khu vực quy hoạch đất san lấp đều nằm trên huyện Hòa Vang. Cụ thể như sau:

- **Khu vực QH.1 (ĐSL):** Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang; diện tích 5,0 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 500 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030..

- **Khu vực QH.2 (ĐSL):** Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang; diện tích 8,4 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 840 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021 - 2030.

- **Khu vực QH.3 (ĐSL):** Xã Hòa Ninh, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang; diện tích 119,5 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 11.950 nghìn m³. Quy hoạch mới bổ sung.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 70 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 7.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 49,5 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 4.950 nghìn m³.

- **Khu vực QH.4 (ĐSL):** Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 114,4 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 11.440 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.5 (ĐSL) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 60 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 6.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 54,4 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 5.440 nghìn m³.

- **Khu vực QH.5 (ĐSL):** Xã Hòa Ninh, xã Hòa Liên và xã Hoà Sơn, huyện Hòa Vang; diện tích 119 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 11.900 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.7 (ĐSL) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có 20 ha đã lập thủ tục thăm dò và 6,6 ha đang lập hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 70 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 7.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 49 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 4.900 nghìn m³.

- **Khu vực QH.6 (ĐSL):** Xã Hòa Ninh và xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang; diện tích 79,6 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 7.960 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.8 (ĐSL) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong quy hoạch diện tích 3,615 ha đang lập hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 20 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 2.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 59,6 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 5.960 nghìn m³.

- **Khu vực QH.7 (ĐSL):** Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 80,6 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 8.060 nghìn m³. Quy hoạch mới bổ sung, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021 - 2030.

- **Khu vực QH.8 (ĐSL):** Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang; diện tích 75,7 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 7.570 nghìn m³. Quy hoạch mới bổ sung.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 40 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 4.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 35,7 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 3.570 nghìn m³.

- **Khu vực QH.9 (ĐSL):** Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang; diện tích 2,34 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 270 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.11 (ĐSL) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch đang lập thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản 2,2 ha, ngoài ra diện tích đã dừng khai thác 10,94 ha. Toàn bộ diện tích quy hoạch là mỏ khai thác đến hết trữ lượng đã phê duyệt, sau đó đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường.

- **Khu vực QH.10 (ĐSL):** Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang; diện tích 34,2 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 11.430 nghìn m³. Quy hoạch mới bổ sung.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 25 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 2.500 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 9,2 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 920 nghìn m³.

- **Khu vực QH.11 (ĐSL):** Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang; diện tích 105,8 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 10.580 nghìn m³. Điểm quy hoạch này trước kia là QH.18 (ĐSL) đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố. Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đất đồi đã dừng khai thác: Mỏ đất đồi Công ty TNHH Phúc Đăng diện tích 5,0 ha, Mỏ đất đồi Công ty cổ phần Tập đoàn Nguyễn Phan Chánh diện tích 3,4 ha, Mỏ đất đồi DNTN Tiên Thanh diện tích 6,0 ha, Mỏ đất đồi Công ty TNHH du lịch và đầu tư xây dựng Sơn Hải diện tích 8,6 ha.

+ Quy hoạch này được phân kỳ thăm dò, khai thác và sử dụng như sau: Thời kỳ 2021 - 2030 thăm dò, khai thác với diện tích 50 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 5.000 nghìn m³; thời kỳ 2031- 2050 thăm dò, khai thác với diện tích 55,8 ha, trữ lượng tài nguyên còn lại là 5.580 nghìn m³.

- **Khu vực QH.12 (ĐSL):** Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang; diện tích 13,5 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 1.350 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030.

- **Khu vực QH.13 (ĐSL):** Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang; diện tích 10 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 1.000 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030.

- **Khu vực QH.14 (ĐSL):** Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang; diện tích 6,0 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 600 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030.

- **Khu vực QH.15 (ĐSL):** Xã Hoà Phú, huyện Hòa Vang; diện tích 11 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 1.100 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030.

- **Khu vực QH.16 (ĐSL):** Xã Hoà Phú và xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang; diện tích 87 ha; tổng trữ lượng tài nguyên quy hoạch 8.700 nghìn m³, được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cho thời kỳ 2021- 2030.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I và Bản đồ kèm theo).

4. Giải pháp về bảo vệ khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản

a. Giải pháp về công tác quản lý nhà nước

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, nhất là đối với những khu vực có mỏ khoáng sản được quy hoạch và hoạt động khai thác khoáng sản. Thực hiện công bố, công khai quy hoạch; công khai minh bạch việc quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Quản lý và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đã được phê duyệt; quyết định phê duyệt dự án đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản một cách hợp lý và bền vững; cần tính toán việc cân bằng giữa chi phí, lợi ích về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Tuân thủ quy định của Luật Khoáng sản và các quy định có liên quan trong quản lý hoạt động khoáng sản.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản; nghiên cứu xây dựng quy trình, quy phạm, sử dụng công nghệ thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; phục hồi môi trường sau khi kết thúc việc thăm dò, khai thác khoáng sản. Quản lý quy hoạch, quyết định phê duyệt đầu tư dự án thăm dò, khai thác khoáng sản một cách hợp lý và bền vững, cần tính toán việc cân bằng giữa chi phí, lợi ích về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Tăng cường vai trò của người đứng đầu các cơ quan, các cấp quản lý hoạt động khoáng sản, cũng như công tác phối hợp giữa sở, ngành với UBND quận, huyện; UBND các xã, phường, trong công tác thanh tra, kiểm tra, công tác hậu kiểm, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật. Chấn chỉnh lại công tác cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản.

- Kiểm tra, rà soát tình hình hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân để phân loại, xử lý theo đúng quy định; tăng cường công tác quản lý thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ những loại thuế, phí theo quy định. Những dự án chậm tiến độ, khai thác không có hiệu quả, làm ảnh hưởng đến môi trường, trật tự an toàn xã hội thì không cấp gia hạn giấy phép. Các dự án vi phạm các quy định trong quá trình hoạt động khoáng sản thì thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản từ thành phố đến quận, huyện đủ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- UBND xã, phường, có trách nhiệm quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện việc chỉ đạo của Sở, Ngành và UBND quận, huyện trong việc bảo vệ và khai thác khoáng sản, tăng cường vai trò giám sát của cộng đồng dân cư trong công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản.

- Thực hiện các giải pháp hữu hiệu nhằm giải tỏa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, ngăn chặn nguy cơ tái diễn; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản; kiểm tra, làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo địa phương, nhất là lãnh đạo cấp xã đã để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép kéo dài hoặc tái diễn.

- Kịp thời ban hành các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư đối với một số loại khoáng sản thành phố có tiềm năng lợi thế; thực hiện công bố công khai quy hoạch; công khai minh bạch việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản và cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Đẩy mạnh việc phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản, đặc biệt là sau khi cấp giấy phép; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản trái phép và kiên quyết xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

b. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Đối với công tác điều tra cơ bản về địa chất - khoáng sản: thực hiện theo quy hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường và nguồn vốn do Nhà nước đầu tư.

- Vốn dùng cho công tác thăm dò: kết hợp huy động bằng vốn của các doanh nghiệp được cấp phép thăm dò và Nhà nước hỗ trợ một phần bằng vốn vay ưu đãi.

- Áp dụng việc đa dạng hóa nguồn vốn, xã hội hóa trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản. Chủ động tìm kiếm tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về tài nguyên khoáng sản nhằm tăng cường năng lực quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Triển khai các chính sách thu thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản, nhằm tạo nguồn vốn phục vụ công tác quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Huy động mọi nguồn vốn ngân sách trong nước, trước hết cần sớm hoàn chỉnh quy hoạch, tiến hành xây dựng các đề án, phương án, dự án đầu tư cho công tác bảo vệ khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản. Trên cơ sở đó trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và đầu tư theo kế hoạch hàng năm.

- Tiến hành công bố rộng rãi danh mục, trữ lượng các mỏ đã được quy hoạch thăm dò, khai thác trên địa bàn thành phố, tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản có trên địa bàn thành phố.

c. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Từng bước triển khai, hoàn thiện các văn bản quy phạm trong quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có đủ kinh nghiệm, năng lực để đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến theo đúng quy hoạch được duyệt và theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các Doanh nghiệp đầu tư về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên khoáng sản và hạn chế tác động đến môi trường; ưu tiên các dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến, làm ra sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao, không tác động môi trường, cảnh quan.

d. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đổi mới công nghệ khai thác, sàng tuyển và chế biến để tận thu tài nguyên và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng các loại quặng có hàm lượng thấp, góp phần giảm thiểu tối đa khối lượng đất đá thải, thu hẹp diện tích bãi thải, thu hồi các chất hữu ích từ các bãi thải quặng vừa làm sạch môi trường lại vừa tránh được lãng phí tài nguyên.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sạch, thân thiện với môi trường trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải. Cần xây dựng chương trình triển khai và nhân rộng mô hình sản xuất sạch hơn cho cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chế biến khoáng sản và phục hồi môi trường;

- Áp dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản và giá trị của sản phẩm sau chế biến, nâng cao hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm khoáng sản.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt về công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và chuyển giao công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Thành phố cần có chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với dự án khai thác, chế biến tại chỗ khoáng sản ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, bảo đảm môi trường, các sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao; dự án chế biến khoáng sản đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu.

e. Giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động

- Tuyên truyền và phổ biến sâu rộng quy chế ký quỹ môi trường bắt buộc đối với các cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn. Đề xuất những chế tài mạnh để bắt buộc các doanh nghiệp phải nộp quỹ đúng theo quy định.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát môi trường, cần có các bộ phận có chuyên môn, chuyên trách, có đầy đủ điều kiện trang thiết bị để theo dõi và quản lý môi trường.

- Hình thành quỹ bảo vệ môi trường để chi cho các hoạt động kiểm tra, nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, hoặc hỗ trợ thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường.

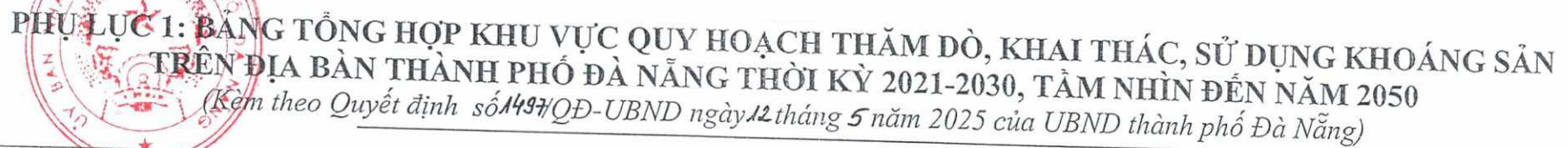
- Ưu tiên thực hiện các Dự án khai thác khoáng sản có phương án tái tạo cảnh quan, phục hồi môi trường và sử dụng hiệu quả diện tích được phép khai thác cho mục đích khác sau khi đóng cửa mỏ.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các quy trình, quy định về an toàn, vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất; trang bị bảo hộ lao động phù hợp với điều kiện, môi trường sản xuất tại các mỏ lộ thiên nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động trong quá trình sản xuất.

- Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư khai thác khoáng sản cần phải cam kết phục hồi môi trường, các chỉ tiêu chất lượng môi trường, hệ sinh thái trong và sau quá trình khai thác. Mặt khác, cần có cả ý kiến tham vấn cộng đồng về phương án cải tạo, phục hồi. Theo đó, các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư khai thác khoáng sản mới phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định đề án cải tạo, phục hồi môi trường cùng với thời điểm lập, trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường.

f. Giải pháp về phát huy trách nhiệm của nhà đầu tư khai thác khoáng sản

Tăng cường trách nhiệm của nhà đầu tư khai thác khoáng sản đối với nghĩa vụ đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, có trách nhiệm trong việc cải thiện đời sống, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư vùng khoáng sản; ưu tiên sử dụng lao động người địa phương; tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội./.



T T	Tên quy hoạch mới	Loại khoáng sản	Các điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 107 độ 45 phút; múi chiều 3 độ		Địa danh	Hiện trạng	Diện tích (ha)	Cos quy hoạch thấp nhất (m)	Tài nguyên (1000m 3)	Quy hoạch thăm dò khai thác và sử dụng				Theo quyết định 797/Q Đ- UBND ngày 18/02/ 2019	Ghi chú
				X (m)	Y (m)						Thời kỳ 2021 - 2030		Thời kỳ 2031 - 2050			
											Diện tích (ha)	Trữ lượng (1000 m3)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (1000 m3)		
I	ĐÁ XÂY DỰNG															
1	QH.1 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.777.703	530.091	xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Khe Rương diện tích 9,0 ha đã được cấp phép khai thác, nhưng chưa khai thác, hiện giấy phép đã hết hạn	45,8	60	4.580	15,0	1.500	30,8	3.080	QH.2 (ĐXD)	
			2	1.777.310	530.671											
			3	1.776.638	530.046											
			4	1.777.037	529.799											
2	QH.2 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.776.592	529.355	Khu Trung Nghĩa-Núi Hồng Vàng, Hòa Ninh, Hòa Vang	Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá An Nghĩa diện tích 17,8 ha đã được cấp phép khai thác, nhưng chưa khai	32,4	60	3.240	15,0	1.500	17,4	1.740	QH.3 (ĐXD)	
			2	1.776.274	530.518											
			3	1.776.080	530.518											
			4	1.776.226	529.355											

[illegible]

			12	1.774.972	538.850											
			13	1.775.143	538.683											
			14	1.775.020	538.287											
6	QH.6 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	17.73.936	5.36.318	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	Mỏ Hồ Mùn 2 vẫn đang hoạt động khai thác	4,0	20	1.050	4,0	1.050	-	-	QH.10 (ĐXD)	Khu vực này khai thác hết trữ lượng theo đã được phê duyệt sau đó dừng hoạt động đóng cửa mỏ cải tạo phục hồi môi trường
			2	17.74.084	5.36.426											
			5	17.74.098	5.36.635											
			6	17.73.988	5.36.636											
			4	17.73.904	5.36.429											
7	QH.7 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.773.897	542.886	Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu	Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đã dừng khai thác: Phía nam mỏ Đà Sơn II diện tích 11,12 ha, Mỏ Cẩm Khê diện tích 2,3 ha, mỏ Cẩm Phát diện tích 3,175 ha.	20,7	20	4816	20,7	4816	0	0	QH.16 (ĐXD)	Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản phải lấy ý kiến kiểm tra, thăm định về lĩnh vực quốc phòng
			2	1.773.830	542.955											
			3	1.773.797	543.033											
			4	1.773.772	543.177											
			5	1.773.826	543.272											
			6	1.773.730	543.291											
			7	1.773.745	543.330											
			8	1.773.703	543.336											
			9	1.773.722	543.478											
			10	1.773.815	543.468											
			11	1.773.848	543.541											
			12	1.773.952	543.567											
			13	1.774.018	543.810											
			14	1.773.858	543.866											
			15	1.773.567	543.328											
			16	1.773.550	543.073											
			17	1.773.562	542.842											
8	QH.8	Đá xây	1	1.772.718	541.069	Xã Hòa	Các mỏ	93,5	20	23.375	70,0	15.000	23,5	8.375	QH.14	Trước khi

[illegible]

			31	1.772.476	541.629											
			32	1.772.641	541.511											
			33	1.772.600	541.341											
			34	1.772.460	541.240											
9	QH.9 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.772.664	539.601	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đã dừng khai thác: Mô Hổ Sâu diện tích 3,3 ha, Mô Phước Hậu diện tích 4,0 ha	20,7	20	3105	20,7	3105	0	0	QH.13 (ĐXD)	
			2	1.772.816	540.038											
			3	1.772.736	540.320											
			4	1.772.515	540.638											
			5	1.772.421	540.371											
			6	1.772.583	540.179											
			7	1.772.481	539.714											
			8	1.772.531	539.644											
			9	1.772.593	539.697											
10	QH.10 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.772.366	539.437	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Trong diện tích quy hoạch có mỏ đá Phước Hưng diện tích là 4,5 ha đã dừng khai thác	26,6	20	3990	26,6	3990	0	0	Quy hoạch mới	
			2	1.772.137	539.696											
			3	1.771.926	539.600											
			4	1.771.639	539.238											
			5	1.771.933	538.975											
11	QH.11 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.771.646	542.625	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Mỏ Thạch Nham Đông đã dừng hoạt động khai thác	6,3	20	472,5	6,3	472,5	0	-	QH.18 (ĐXD)	Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản phải lấy ý kiến kiểm tra, thẩm định về lĩnh vực quốc phòng
			2	1.771.663	543.038											
			3	1.771.569	543.103											
			4	1.771.455	542.701											
12	QH.12	Đá xây	1	1.765.102	538.990	Xã Hòa	Trong diện	28,7	20	5.740	15,0	3.000	13,7	2.740	Quy	

	(ĐXD)	dựng	2	1.765.102	539.100	Khương, huyện Hòa Vang	tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản								hoạch mới	
			3	1.764.986	539.178											
			4	1.764.941	539.128											
			5	1.764.773	539.303											
			6	1.764.278	539.304											
			7	1.764.261	538.828											
13	QH.13 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.764.829	538.532	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	Mỏ Phước Nhân đang hoạt động khai thác và Mỏ Sơn Phước đã phê duyệt trữ lượng	14,6	20	4.599	10,0	3.150	4,6	1.449	QH.20 (ĐXD)	Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản phải lấy ý kiến kiểm tra, thăm định về lĩnh vực quốc phòng (trong đó trừ diện tích 5 ha cho phép Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất vật liệu xây dựng Phúc Thịnh đã cho phép thăm dò, khai thác)
			2	1.764.831	538.742											
			3	1.764.107	538.743											
			4	1.764.104	538.551											
14	QH.14 (ĐXD)	Đá xây dựng	1	1.763.673	536.846	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	14,8	50	4.662	7,0	2.205	7,8	2.457	QH.19 (ĐXD)	Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản phải lấy ý kiến kiểm tra, thăm định về lĩnh
			2	1.763.951	537.222											
			3	1.763.633	537.357											
			4	1.763.389	536.941											

																		vực quốc phòng
Tổng							452,3	426,0	87.324, 5	290,3	55.788,5	162,0	31.536, 0					
II	ĐẤT SAN LẤP																	
1	QH.1 (ĐSL)	Đất đòi san lấp	1	1.785.336	532.684	xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	5,0	10	500	5,0	500	-	-				
			2	1.785.334	532.868													
			3	1.785.170	532.860													
			4	1.785.167	532.832													
			5	1.785.030	532.819													
			6	1.784.999	532.758													
			7	1.785.048	532.686													
2	QH.2 (ĐSL)	Đất đòi san lấp	1	1.785.348	533.715	xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	8,4	10	840	8,4	840	-	-				
			2	1.785.247	533.903													
			3	1.785.085	533.819													
			4	1.785.025	533.702													
			5	1.784.974	533.635													
			6	1.784.939	533.526													
			7	1.784.971	533.462													
3	QH.3 (ĐSL)	Đất đòi san lấp	1	1.777.064	532.799	xã Hòa Ninh, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	119,5	30	11.950	70,0	7.000	49,5	4.950				
			2	1.777.506	532.821													
			3	1.777.525	532.589													
			4	1.777.825	532.505													
			5	1.777.941	532.631													
			6	1.778.005	532.786													
			7	1.777.945	533.184													
			8	1.777.850	534.995													
			9	1.777.612	535.301													
			10	1.777.333	534.401													
			11	1.777.723	533.224													

			12	1.777.464	533.044											
			13	1.777.307	533.184											
			14	1.777.213	533.353											
4	QH.4 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.776.976	532.702	xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	114,4	40	11.440	60,0	6.000	54,4	5.440	QH.5 (ĐSL)	
			2	1.777.178	533.353											
			3	1.777.106	533.363											
			4	1.777.002	533.108											
			5	1.776.955	533.061											
			6	1.776.941	532.947											
			7	1.776.928	532.711											
			8	1.776.909	532.970											
			9	1.776.932	533.065											
			10	1.777.008	533.179											
			11	1.776.859	533.414											
			12	1.776.527	533.332											
			13	1.776.318	533.321											
			14	1.776.060	533.421											
			15	1.775.773	533.881											
			16	1.775.736	533.696											
			17	1.775.271	533.779											
			18	1.775.219	533.718											
			19	1.775.030	533.706											
			20	1.775.066	533.295											
			21	1.775.279	533.208											
			22	1.776.097	532.616											
			23	1.776.151	532.902											
			24	1.776.455	533.014											
			25	1.776.658	533.001											
5	QH.5	Đất đồi	1	1.777.238	534.284	xã Hòa	Trong diện	119,0	20	11.900	70	7.000	49,0	4.900	QH.7	

[illegible]

			9	1.773.002	533.182											
8	QH.8 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.774.246	532.195	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	75,7	25	7.570	40,0	4.000	35,7	3.570		
			2	1.773.403	532.311											
			3	1.773.119	532.400											
			4	1.773.032	532.025											
			5	1.774.205	531.829											
			6	1.774.256	532.237											
			7	1.774.278	532.536											
			8	1.773.192	532.703											
			9	1.773.128	532.430											
			10	1.773.398	532.356											
9	QH.9 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.772.499	537.731	Xã Hòa Son, huyện Hòa Vang	Đang lập thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản	2,34	20	270	2,34	270,0	0,0	0,0	QH.11 (ĐSL)	Khu vực này khai thác hết trữ lượng, sau đó dừng hoạt động đóng cửa mô cải tạo phục hồi môi trường
			2	1.772.438	537.773											
			3	1.772.311	537.515											
			4	1.772.407	537.486											
10	QH.10 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.771.472	533.310	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	34,2	10	3.420	25,0	2.500	9,2	920		
			2	1.770.964	533.711											
			3	1.770.535	534.030											
			4	1.770.454	533.950											
			5	1.770.732	533.440											
			6	1.770.880	533.325											
			7	1.771.332	533.086											
11	QH.11 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.771.745	542.328	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Trong diện tích quy hoạch có các mỏ đất đồi đã dừng	105,8	20	10.580	50	5000	55,8	5.580	QH.18 (ĐSL)	Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản
			2	1.772.078	542.758											
			3	1.772.583	543.142											
			4	1.772.616	543.167											

			5	1.772.555	543.306	khai thác: Mỏ đất đồi Công ty Phúc Đặng diện tích 5,0ha, Mỏ đất đồi Công ty Phan Chánh diện tích 3,4 ha, Mỏ đất đồi Công ty Tiến Thanh diện tích 6,0 ha, Mỏ đất đồi Công ty Sơn Hải diện tích 8,6 ha.									phải lấy ý kiến kiểm tra, thăm định về lĩnh vực quốc phòng		
			6	1.772.614	543.374												
			7	1.772.739	543.544												
			8	1.772.886	543.733												
			9	1.772.692	543.785												
			10	1.772.448	543.643												
			11	1.772.329	543.342												
			12	1.772.000	543.317												
			13	1.771.681	543.374												
			14	1.771.198	543.605												
			15	1.771.109	543.338												
			16	1.771.191	543.249												
			17	1.771.188	543.218												
			18	1.771.059	543.198												
12	QH.12 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.769.535	539.165		xã Hòa Phủ, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	13,5	13	1.350	13,5	1.350	-	-		Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản phải lấy ý kiến kiểm tra, thăm định về lĩnh vực quốc phòng
			2	1.769.222	539.300												
			3	1.769.143	539.284												
			4	1.769.012	539.060												
			5	1.769.175	538.905												
			6	1.769.360	538.890												
13	QH.13 (ĐSL)	Đất đồi san lấp	1	1.769.189	537.121	xã Hòa Phủ, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	10,0	5	1.000	10,0	1.000	-	-			
			2	1.769.213	537.381												
			3	1.769.348	537.847												
			4	1.769.288	537.874												
			5	1.769.126	537.614												
			6	1.769.008	537.241												

xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	11,0	10	1.100	11,0
Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Trong diện tích QH chưa cấp phép thăm dò khoáng sản	87,0	10	8.700	87,0
		872,04		87.240	558,8

		Vàng Khe Đương (Au)	1	1.778.576	525.173	Mỏ vàng Khe Đương, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	Đang khai thác	21		Cấp 122 là: 70,7kg vàng	UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt trữ lượng và cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 2943/GP-UBND ngày 1/6/2017, thời hạn khai thác đến tháng 6/2027
			2	1.778.227	525.173						
			3	1.778.039	524.918						
			4	1.778.210	524.584						
			5	1.778.337	524.586						
			6	1.778.471	524.774						
V	NƯỚC KHOÁNG NÓNG										
	Nước khoáng nóng Đồng Nghệ (Nk)					xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	Công ty cổ phần thương mại và du lịch FOCOCEV đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác phục vụ cho Khu du lịch tắm khoáng nóng Phước Nhơn.				
	Nước khoáng nóng Ngầm Đôi (Nk)					xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Công ty cổ phần DHC Suối Đôi đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép thăm dò nước khoáng nóng phục vụ cho Dự án Công viên suối nước khoáng nóng Núi Thần Tài.				

Ghi chú: Cos quy hoạch thấp nhất tại các quy hoạch chi để tính trữ lượng và tài nguyên. Sau khi quy hoạch được phê duyệt, cos thăm dò, phê duyệt trữ lượng và kết thúc khai thác từng mỏ sẽ căn cứ cụ thể theo quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết được phê duyệt.